|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN****ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-TĐC |  *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**TỜ TRÌNH**

**DỰ THẢO 28/6/2022**

**Dự thảo Thông tư Hướng dẫn chi tiết việc xác định giá trị**

**sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ**

Kính gửi: Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Tổng cục) xin trình Bộ trưởng dự thảo Thông tư Hướng dẫn chi tiết việcxác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ**

**1. Cơ sở pháp lý**

Thực hiện Điều 66 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, ngày 15/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 74/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số [132/2008/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-132-2008-nd-cp-huong-dan-luat-chat-luong-san-pham-hang-hoa-83467.aspx) ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đồng thời, ngày 01/11/2017 , Chính phủ đã ban hành Nghị định số 119/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây viết tắt là Nghị định số 119/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử (sau đây viết tắt là Nghị định số 126/2021/NĐ-CP). Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP quy định cụ thể về hành vi, hình thức và mức xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hiện nay.

Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP là công cụ hữu hiệu tạo cơ sở pháp lý cho các lực lượng chức năng thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra phát hiện, ngăn chặn, hạn chế và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Một điểm mới tại Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP đã bổ sung hành vi vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với lượng sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ. Tuy nhiên, chưa có văn bản nào hướng dẫn chi tiết nội dung xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ, nên việc xử lý vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa còn chưa thống nhất.

Ngày 15/5/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 74/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Điều 13b được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã quy định nguyên tắc cơ bản để xác định *“*giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ: *Lượng sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ là tổng số lượng sản phẩm, hàng hóa đó theo hóa đơn, chứng từ, tài liệu tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, trừ đi sản phẩm, hàng hóa còn tồn khi vi phạm”*, Chính phủ đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết nội dung này.

Ngày Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục ban hành văn bản năm 2018 theo Quyết định số 185/QĐ-BKHCN ngày 28/01/2019 giao trực tiếp cho Tổng cục thực hiện trong năm 2019 (trong đó có nhiệm vụ tổ chức xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ).

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Tổng cục đã tổ chức xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn chi tiết xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ. Thông tư này quy định chi tiết xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ để áp dụng xử lý vi phạm theo quy định tại Khoản 4 Điều 18; khoản 4 Điều 19; khoản 5 Điều 20 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP và Khoản 3, 4 Điều 17 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 2 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP, khoản 6 Điều 20 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 2 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP, khoản 7 Điều 20 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 2 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP. Thông tư này đã được tổ chức triển khai theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tuy nhiên, quá trình triển khai còn có ý kiến khác nhau về cách xác định trong thực tiễn đối với “Lượng hàng hoá vi phạm đã tiêu thụ”, do đó Tổng cục đã tổ chức nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến và xây dựng lại dự thảo Thông tư theo các ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Trong thời gian qua, hoạt động thanh, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan chức năng trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho thấy các hành vi sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa có chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố, không phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng mới dừng lại ở mức phạt căn cứ vào tổng giá trị sản phẩm hàng hóa vi phạm mà chưa tính đến giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ.

Trong thực tế việc xác định giá trị hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ là hết sức phức tạp, đặc biệt đối với hàng hóa có sự trộn lẫn giữa hàng tồn với hàng nhập mới. Ví dụ như: Đối với mặt hàng xăng, dầu, khí LPG là mặt hàng đặc biệt được lưu giữ trong bể, thùng chứa có sự hòa lẫn hàng hoá tồn và hàng hoá mới nhập. Ngoài ra, hàng hoá nhập mới khi trộn lẫn với hàng tồn thì thực tế lượng hàng nhập mới này thường được chia vào nhiều bể, thùng chứa hàng tồn dẫn đến khó xác định được lượng hàng nhập mới trong từng bể, thùng chứa cụ thể là bao nhiêu, hơn nữa thời gian nhập hàng hoá, bán hàng hoá (tiêu thụ) luôn thay đổi trong quá trình kinh doanh.

Căn cứ cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng dự thảo Thông tư Quy định chi tiết xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ là cần thiết, là cơ sở cho việc thống nhất thực hiện Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ**

**1. Mục đích**

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết nội dung xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ nhằm:

- Quy định cụ thể Điều 13b được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

- Hướng dẫn xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ để áp dụng xử lý vi phạm hành chính về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định tại Khoản 4 Điều 18; khoản 4 Điều 19; khoản 5 Điều 20 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP và Khoản 3, 4 Điều 17 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 2 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP, khoản 6 Điều 20 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 2 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP, khoản 7 Điều 20 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 2 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP.

**2. Quan điểm chỉ đạo**

Thông tư ban hành phải đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp. Xây dựng Thông tư theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nội dung dự thảo Thông tư này phải bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật này.

Đảm bảo tính khả thi, tính chính xác, thống nhất trong việc áp dụng các quy định của Thông tư này để xử lý vi phạm hành chính về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP. Thống nhất trong việc thực thi pháp luật, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; góp phần ổn định thị trường, ngăn chặn và giảm thiểu hàng hóa không đảm bảo chất lượng, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, hành vi gian lận về chất lượng sản phẩm, hàng hóa góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu và người tiêu dùng.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ**

Theo Danh mục xây dựng văn bản năm 2019 kèm theo Quyết định số 185/QĐ-BKHCN ngày 28/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục đã xây dựng dự thảo Thông tư Hướng dẫn chi tiết việcxác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật này, Tổng cục đã tiến hành các hoạt động cần thiết cho việc soạn thảo Thông tư Hướng dẫn chi tiết việcxác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ, cụ thể như sau:

1. Ngày 13/8/2018, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệban hành Quyết định số 2257/QĐ-BKHCN về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ để xét giao trực tiếp cho Tổng cục thực hiện trong năm 2019.

2. Xây dựng đề cương chi tiết dự thảo Thông tư hướng dẫn chi tiết việcxác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Năm 2021 sau khi xin ý kiến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đối tượng có liên quan theo đúng quy định của Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, đăng tải dự thảo trên Trang thông tin điện tử của Khoa học và Công nghệ để lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Dự thảo Thông tư gửi Vụ Pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ xin ý kiến thẩm định.

Tuy nhiên, sau khi lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan còn có ý kiến khác nhau về cách xác định “Lượng hàng hoá vi phạm đã tiêu thụ” liên quan đến:

- Lượng hàng hóa nhập trước kiểm tra;

- Lượng hàng hóa tồn trước kiểm tra;

- Lượng hàng hóa đã bán trước khi lấy mẫu kiểm tra;

- Lượng hàng hóa đã bán từ điểm kiểm tra, lấy mẫu đến thời điểm lập biên bản theo kết quả thử nghiệm.

 Nhằm bảo đảm phù hợp với Điều 13b Nghị định 74/2018/NĐ-CP và thực tiễn, Tổng cục tiếp tục tổ chức rà soát, chỉnh lý lại dự thảo để quy định đối với các trường hợp cụ thể sau:

- Trường hợp trong thực tế tổ chức, cá nhân kinh doanh có hoá đơn, chứng từ, tài liệu nhưng không chứng minh hoặc xác định được: Lượng hàng hóa nhập trước kiểm tra; Lượng hàng hóa tồn trước kiểm tra; Lượng hàng hóa đã bán trước khi lấy mẫu kiểm tra và Lượng hàng hóa đã bán từ điểm kiểm tra, lấy mẫu đến thời điểm lập biên bản theo kết quả thử nghiệm.

- Trường hợp lượng hàng hóa được kiểm tra bị trộn lẫn hàng nhập mới trong thời gian kể từ thời điểm cơ quan kiểm tra lấy mẫu của lượng hàng hóa được kiểm tra đến thời điểm được cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng mà tổ chức, cá nhân kinh doanh không có chứng cứ chứng minh, xác định được lượng hàng hóa vi phạm thuộc lượng hàng hóa được kiểm tra còn tồn khác “0” (không) tách biệt với hàng nhập mới.

Đồng thời, về bố cục cục và nội dung cơ bản của dự thảo thông tư cần chỉnh sửa lại.

4. Xây dựng chỉnh sửa, bổ sung nội dung cơ bản và bố cục tại dự thảo Thông tư gửi lại xin ý kiến các đơn vị thuộc Tổng cục. Tiếp tục tổng hợp ý kiến góp ý, chỉnh sửa dự thảo Thông tư.

5. Lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan đối với dự thảo Thông tư đã được chỉnh sửa, bổ sung nội dung cơ bản và bố cục.

6. Tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan.

7. Dự thảo Thông tư gửi Vụ Pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ xin ý kiến thẩm định.

8. Chỉnh lý, tiếp thu theo ý kiến thẩm định, hoàn thiện hồ sơ trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định, ký ban hành.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ**

**1. Bố cục**

Dự thảo Thông tư này bao gồm 3 chương và 10 điều:

Chương I: Quy định chung, bao gồm 3 Điều (từ Điều 1 đến Điều 3), cụ thể gồm:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Chương II: Xác định giá trị hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ, bao gồm 04 Điều (từ Điều 4 đến Điều 8), cụ thể gồm:

Điều 4. Xác định lượng hàng hóa tồn tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu

Điều 5. Xác định tổng số lượng hàng hóa theo hóa đơn, chứng từ, tài liệu tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, lấy mẫu

Điều 6. Xác định lượng hàng hóa còn tồn khi vi phạm.

Điều 7. Xác định lượng hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ.

Điều 8. Giá trị hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ.

Chương III: Tổ chức thực hiện, bao gồm 2 Điều (từ Điều 9 đến Điều 10), cụ thể gồm:

Điều 9. Hiệu lực thi hành.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành.

**2. Nội dung cơ bản**

Tổng cục xin báo cáo nội dung cơ bản của Thông tư như sau:

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa (sau đây viết tắt là hàng hóa) vi phạm đã tiêu thụ quy định tại Điều 13b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa, được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, áp dụng cho các trường hợp quy định tại:

Khoản 4 Điều 18; khoản 4 Điều 19; khoản 5 Điều 20 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP và Khoản 3, 4 Điều 17 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 2 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP, khoản 6 Điều 20 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 2 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP, khoản 7 Điều 20 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 2 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP.

2.2. Đối tượng áp dụng

2.3. Giải thích từ ngữ

2.4. Xác định tổng số lượng hàng hóa theo hóa đơn, chứng từ, tài liệu tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra

Để xác định tổng số lượng hàng hóa theo hóa đơn, chứng từ, tài liệu tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra thì:

- Thứ nhất, phải xác định “thời điểm” tính theo “ngày” hay “giờ”;

- Thứ hai, vì “tổng số lượng hàng hóa theo hóa đơn, chứng từ, tài liệu tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra” = “lượng hàng nhập” + “lượng hàng tồn”.

Tuy nhiên, trên thực tế, “lượng hàng nhập” không phải trường hợp nào cũng là số lượng được ghi trên hoá đơn, chứng từ, tài liệu, vì được chia ra nhiều lô lưu giữ khác nhau; đồng thời “lượng hàng tồn” tại thời điểm nhập cũng không xác định được theo hoá đơn, chứng từ, tài liệu. Do đó, tại Thông tư này phải xác định được “lượng hàng nhập” và “lượng hàng tồn” thuộc Lượng hàng hóa được kiểm tra có kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng theo các trường hợp cụ thể.

2.5. Xác định lượng hàng hóa còn tồn khi vi phạm

Lượng hàng hóa còn tồn khi vi phạm (sau đây viết tắt là Lượng hàng hoá tồn khi vi phạm) được xác định như sau:

1. Trường hợp lượng hàng hóa được kiểm tra không bị trộn lẫn hàng nhập mới kể từ thời điểm cơ quan kiểm tra lấy mẫu của lượng hàng hóa được kiểm tra này đến thời điểm được cơ quan kiểm tra niêm phong, lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng thì Lượng hàng hoá tồn khi vi phạm là lượng hàng hóa được xác định tại nơi lưu trữ lượng hàng hóa được kiểm tra còn tồn tại thời điểm cơ quan kiểm tra niêm phong, lập biên bản theo kết quả thử nghiệm mẫu có vi phạm.

2. Trường hợp lượng hàng hóa được kiểm tra bị trộn lẫn hàng nhập mới trong thời gian kể từ thời điểm cơ quan kiểm tra lấy mẫu của lượng hàng hóa được kiểm tra này đến thời điểm được cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng thì Lượng hàng hoá tồn khi vi phạm coi như đã tiêu thụ hết, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh có chứng cứ chứng minh và xác định được lượng hàng hóa vi phạm thuộc lượng hàng hóa được kiểm tra còn tồn tách biệt với hàng hóa nhập mới.

2.6. Xác định lượng hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ

Lượng hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ (sau đây viết tắt Hvptt) là tổng số lượng hàng hóa đó trên cơ sở hóa đơn, chứng từ, tài liệu tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, trừ đi lượng hàng hóa còn tồn khi vi phạm. Các trường hợp xác định lượng hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ cụ thể sau đây:

2.6.1. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Mục 2.5

a) Trường hợp xác định được ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra trên cơ sở hóa đơn, chứng từ, tài liệu, Hvptt được tính như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Hvptt | = | ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra | - | Lượng hàng hoá tồn khi vi phạm |

b) Trường hợp không xác định được ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra thì Lượng hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ được coi bằng Lượng hàng hoá còn tồn tại thời điểm kiểm tra, cụ thể Hvptt được tính như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hvptt | = | Lượng hàng hoá còn tồn tại thời điểm kiểm tra |

2.6.2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Mục 25

a. Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh không có chứng cứ chứng minh, xác định được lượng hàng hóa vi phạm thuộc lượng hàng hóa được kiểm tra còn tồn khác “0” (không) tách biệt với hàng nhập mới thì được coi như ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra đã tiêu thụ hết. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hvptt | = | ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra |

Cách tính ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra được tính như sau:

a1. Trường hợp xác định được lượng hàng hoá nhập trước kiểm tra và lượng hàng hóa còn tồn trước kiểm tra.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra | = | Lượng hàng hoá nhập trước kiểm tra | + | Lượng hàng hoá tồn trước kiểm tra |

a2. Trường hợp không xác định được Lượng hàng hoá nhập trước kiểm tra hoặc Lượng hàng hoá tồn trước kiểm tra (tức là không tính được theo công thức tại a1. mà xác định được Lượng hàng hoá đã bán trước kiểm tra thì thực hiện tính theo công thức sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra | = | Lượng hàng hoá tồntại thời điểm kiểm tra | + | Lượng hàng hoá đã bán trước kiểm tra |

a3. Trường hợp không xác định được Lượng hàng hoá nhập trước kiểm tra hoặc Lượng hàng hoá tồn trước kiểm tra và không xác định được lượng hàng hoá đã bán trước kiểm tra (tức là không tính được theo công thức a1 và a2) thì thực hiện tính như sau :

Lượng hàng hóa bán được bình quân một ngày kể từ ngày lấy mẫu kiểm tra đến ngày có kết quả thử nghiệm mẫu vi phạm nhân với tổng số ngày kể từ ngày nhập hàng hóa trên cơ sở hóa đơn, chứng từ, tài liệu tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra dến ngày lấy mẫu kiểm tra. Cụ thể như sau:

Bước 1:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lượng hàng hoá đã bán trong khoảng thời gian kể từ ngày kiểm tra, lấy mẫu đến ngày cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng | = | Lượng hàng hoá tồn tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu  | + | Lượng hàng hoá nhập mới trong thời gian kể từ ngày kiểm tra lấy mẫu đến ngày cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng | - | Lượng hàng hoá tồn tại thời điểm cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng |

Bước 2:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lượng hàng hoá đã bán bình quân một ngày | = | Lượng hàng hoá đã bán trong khoảng thời gian kể từ ngày kiểm tra, lấy mẫu đến ngày cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng | : | Tổng số ngày kể từ ngày kiểm tra, lấy mẫu đến ngày cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng |

Bước 3:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lượng hàng hoá đã bán trước khi kiểm tra | = | Lượng hàng hóa đã bán bình quân một ngày | x | Tổng số ngày kể từ ngày nhập hàng hóa tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra đến thời điểm kiểm tra, lấy mẫu |

Bước 4:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra  | = | Lượng hàng hoá tồn tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu  |  + | Lượng hàng hoá đã bán trước kiểm tra. |

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh có hóa đơn, chứng từ, tài liệu chứng cứ chứng minh và xác định được lượng hàng hóa vi phạm thuộc lượng hàng hóa được kiểm tra còn tồn khác “0” (không) tách biệt với hàng nhập mới, Hvptt được tính theo như sau.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Hvptt | = | ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra | - | Lượng hàng hoá tồn khi vi phạm |

**V. TÀI LIỆU KÈM THEO**

1. Dự thảo Thông tư.

2. Dự thảo Tờ trình Thông tư.

3. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị (bản điện tử gửi qua hòm thư Email).

4. Văn bản góp ý của các đơn vị (bản điện tử gửi qua hòm thư Email).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Thông tư Hướng dẫn chi tiết việcxác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xin kính trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thứ trưởng Lê Xuân Định (để b/c);- Vụ Pháp chế Bộ KH&CN (để p/h);- Lưu: VT, PCTTra. | **TỔNG CỤC TRƯỞNG** |